TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02-11-2017.
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yên và bà Lê Thị Chanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Trang, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1984. HKTT: Tiểu khu CĐ, thị trấn NT, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn M - Sinh năm: 1975. HKTT: Tiểu khu 67, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại Đội 14, Trại giam Nam Hà, Tổng cục VIII, Bộ Công an đóng tại xã Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 21/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn M kết hôn với nhau vào ngày 03/6/2002. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn NT, huyện MC, tỉnh Sơn La. Sau ngày kết

hôn hai anh, chị ra ở riêng. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến ngày 04/10/2006 thì anh Vũ Văn M bị bắt và bị xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, anh M phải đi chấp hành án tại Đội 14, Trại giam Nam Hà, Tổng cục VIII, Bộ Công an. Do vợ chồng xa cách lâu ngày, phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Nghề nghiệp hiện nay của chị N là thợ may, mức thu nhập bình quân một tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh M có 01 con chung là cháu Vũ Văn H - Sinh ngày: 30/11/2002. Trường hợp ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh M phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N và anh M tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị N tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 28/9/2017, bị đơn anh Vũ Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La ngày 03/6/2002. Quá trình chung sống anh M và chị N hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 10/2006 anh M bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, anh M phải đi chấp hành án tại Trại giam Nam Hà, Tổng cục VIII, Bộ Công an. Anh M xác định tình cảm vợ chồng với chị N vẫn còn, đề nghị Tòa án phân tích để chị N chờ anh M chấp hành án về để đoàn tụ gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị N vẫn yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh M có 01 con chung là cháu Vũ Văn H - Sinh ngày: 30/11/2002. Do cháu H đang trực tiếp ở với chị N nên trường hợp ly hôn anh M nhất trí giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Do đang phải đi chấp hành án, không có điều kiện nên anh M đề nghị không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung: Chị N và anh M tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Vũ Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Văn H - Sinh ngày: 30/11/2002 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vũ Văn M. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Văn M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn M kết hôn với nhau vào ngày 03/6/2002. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp

cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau ngày kết hôn chị N và anh M ra ở riêng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh, chị hoà thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh M bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phải chấp hành án tại Trại giam Nam Hà, Tổng cục VIII, Bộ Công an. Do thời gian xa cách lâu ngày nên vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Chị N và anh M có 01 con chung là cháu Vũ Văn H - Sinh ngày: 30/11/2002. Chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh M nhất trí.

Xét thấy, chị N có nơi cư trú, có công việc và thu nhập ổn định. Anh M đang trong thời gian phải chấp hành án tại Trại giam Nam Hà nên thực tế không có điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, cháu H có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M đang đi chấp hành án nên không có điều kiện cấp dưỡng, việc chị N không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M.

[4] Về tài sản chung: Xét việc các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về vay nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Vũ Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Văn H - Sinh ngày: 30/11/2002 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vũ Văn M. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 03733 ngày 21 tháng 7 năm 2017.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND thị trấn NTMC, huyện M C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Anh Đức